

Số: 1639/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Kết luận số 06-KL/TW ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Ban Bí thư về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 189/NQ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp sinh học đến năm 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đến năm 2030” (sau đây viết tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo hướng bền vững, thân thiện, nhằm kiểm soát, cải thiện chất lượng môi trường và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; nâng cao tiềm lực nghiên cứu, ứng dụng và làm chủ các công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của khu vực và thế giới.

2. Mục tiêu cụ thể

- Triển khai các nghiên cứu, phát triển công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo hướng làm chủ các công nghệ lõi, công nghệ sinh học tiên tiến sản xuất các chế phẩm xử lý chất thải trong sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản, sản phẩm xử lý chất thải y tế; sản phẩm xử lý chất thải trong công nghiệp, y tế và sinh hoạt;

- Đẩy mạnh xây dựng và phát triển tăng tối thiểu 10% doanh nghiệp sản xuất quy mô công nghiệp các chế phẩm sinh học sử dụng trong xử lý chất thải và dây chuyền thiết bị sản xuất các sản phẩm sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực và cơ sở vật chất phòng thí nghiệm trọng điểm đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tập trung vào phát triển các chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải;

- Hoàn thiện được hệ thống văn bản pháp luật và cơ sở dữ liệu quốc gia về phát triển công nghệ, công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

II. NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN

1. Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

a) Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất chế phẩm, vật liệu sinh học xử lý các chất thải gây ô nhiễm môi trường

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, thiết bị xử lý chất thải sản xuất, chế biến nông lâm, thủy sản; sản phẩm xử lý chất thải y tế; sản phẩm xử lý chất thải trong công nghiệp và sinh hoạt ở quy mô công nghiệp, ưu tiên công nghệ thu hồi năng lượng, tuần hoàn tái chế chất thải;

- Tiếp nhận, giải mã công nghệ mới, dây chuyền thiết bị từ các nước có nền công nghiệp sinh học tiên tiến trên thế giới để phát triển các công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở quy mô công nghiệp.

b) Phát triển doanh nghiệp ứng dụng các công nghệ, dây chuyền thiết bị sản xuất sản phẩm sinh học quy mô công nghiệp trong bảo vệ môi trường

- Tập trung phát triển các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ trong nước để sản xuất các chế phẩm sinh học có khả năng cạnh tranh trong xử lý môi trường, ưu tiên công nghệ tuần hoàn chất thải;

- Thúc đẩy doanh nghiệp tiếp nhận, làm chủ và phổ biến công nghệ sinh học hiện đại từ các nước tiên tiến trên thế giới trong xử lý chất thải ở quy mô công nghiệp, phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam.

2. Tăng cường tiềm lực phục vụ phát triển công nghệ sinh học và thúc đẩy công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

a) Đào tạo nguồn nhân lực

- Đào tạo nguồn nhân lực khoa học đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng phục vụ phát triển công nghiệp sinh học trong bảo vệ môi trường. Ưu tiên đào tạo nâng cao và đào tạo lại thông qua các khóa tập huấn và đào tạo ngắn hạn đối với cán bộ khoa học thực hiện đề tài, dự án tại các cơ sở nghiên cứu; đào tạo các kỹ thuật viên về công nghệ sinh học để triển khai sản xuất sản phẩm sinh học quy mô công nghiệp ứng dụng trong bảo vệ môi trường;

- Tổ chức, xây dựng đội ngũ chuyên gia về triển khai thị trường, quản trị doanh nghiệp công nghiệp sinh học trong bảo vệ môi trường.

b) Xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ nghiên cứu, sản xuất các chế phẩm sinh học, dây chuyền thiết bị trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Đầu tư chiều sâu, hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật cho các phòng thí nghiệm theo hướng sản xuất các chế phẩm sinh học ứng dụng trong xử lý môi trường;

- Tổ chức hoạt động các đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp và ứng dụng chuyển giao công nghệ; thực hiện chức năng phân tích, dịch vụ, hoàn thiện công nghệ, sản phẩm và đóng vai trò kết nối tổ chức doanh nghiệp, cá nhân khoa học và công nghệ trong nghiên cứu, sản xuất kinh doanh sản phẩm sinh học trong bảo vệ môi trường.

c) Phát triển hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghệ sinh học trong lĩnh vực ứng dụng chế phẩm sinh học, dây chuyền thiết bị ứng dụng xử lý chất thải trong sản xuất, chế biến nông lâm, thủy sản; sản phẩm xử lý chất thải y tế; sản phẩm xử lý chất thải trong công nghiệp và sinh hoạt ở quy mô công nghiệp.

3. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Rà soát hiện trạng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ, từng bước hình thành công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích, ưu đãi các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu phát triển, làm chủ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; thu hút và đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư cho phát triển công nghiệp sinh học trong bảo vệ môi trường;

- Tạo lập thị trường thông thoáng, thuận lợi, phát triển thêm các ngành công nghiệp phụ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển ngành công nghiệp sinh học, hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học trong lĩnh vực môi trường.

4. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Hợp tác với các nước phát triển trên thế giới trong việc chuyển giao, tiếp nhận, làm chủ và ứng dụng công nghệ sinh học mới, tiên tiến trong lĩnh vực sản xuất dây chuyền thiết bị, chế phẩm sinh học ứng dụng trong bảo vệ môi trường có thể sản xuất ở Việt Nam;

- Gửi cán bộ khoa học thực hiện đề tài, dự án đến các nước có nền công nghệ sinh học hiện đại phù hợp với hướng nghiên cứu của Đề án để đào tạo

nâng cao ngắn hạn.

5. Truyền thông nâng cao nhận thức về công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Thường xuyên phổ biến, cập nhật đến mọi người dân các kiến thức, thành tựu khoa học và công nghệ mới, nổi bật, có tính ứng dụng thực tiễn cao của công nghiệp sinh học trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chuyên gia công nghệ, giới thiệu mô hình công nghệ tới các thành phần liên quan;

- Tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường để giới thiệu, tập huấn, hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp và các cấp, các ngành về các sản phẩm, tiến bộ, kỹ thuật của công nghệ sinh học môi trường tạo cơ sở cho việc nâng cao ý thức trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn quốc.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về phát triển khoa học và công nghệ

- Hỗ trợ, ưu tiên triển khai hoặc hoàn thiện các nghiên cứu khoa học trong nước, tập trung hỗ trợ các đề tài, dự án nhằm nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ hiện đại sản xuất chế phẩm sinh học, dây chuyền thiết bị ứng dụng xử lý chất thải trong sản xuất, chế biến nông lâm, thủy sản; sản phẩm xử lý chất thải y tế; sản phẩm xử lý chất thải trong công nghiệp và sinh hoạt;

- Hỗ trợ đơn vị nghiên cứu, doanh nghiệp tiếp cận công nghệ, giải mã, chuyển giao các công nghệ, thiết bị nước ngoài có tiềm năng công nghiệp hóa từ các nước có nền công nghiệp sinh học tiên tiến;

- Tăng cường liên kết giữa các đơn vị nghiên cứu khoa học và doanh nghiệp đưa các công nghệ mới, tiên tiến đến các doanh nghiệp nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến trong và ngoài nước vào sản xuất, kinh doanh và dịch vụ các sản phẩm sinh học quy mô công nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu trong nước và xuất khẩu, ưu tiên sản phẩm có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh tốt nhằm tăng số lượng và chất lượng doanh nghiệp sản xuất sản phẩm sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách, hệ thống văn bản pháp luật để khuyến khích, thúc đẩy phát triển nghiên cứu làm chủ công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Rà soát, bổ sung các cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất quy mô công nghiệp và thương mại hoá sản phẩm công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Đề xuất các ưu đãi cụ thể đối với việc sản xuất và ứng dụng các công nghệ, sản phẩm sinh học trong xử lý chất thải theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường;

- Tăng cường, đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước từ nhiều thành phần kinh tế cho phát triển công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

3. Giải pháp về phát triển tiềm lực cơ sở vật chất và con người

- Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, hiện đại hoá thiết bị cho các phòng thí nghiệm chuyên sâu về nghiên cứu phát triển các chế phẩm sinh học, dây chuyền thiết bị ứng dụng trong bảo vệ môi trường và đào tạo nguồn nhân lực;

- Liên kết, phối hợp giữa các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành công nghệ sinh học theo các hình thức đào tạo mới, đào tạo lại, chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia trình độ cao thông qua các khóa đào tạo ngắn hạn, tập huấn trong nước và quốc tế;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, cung cấp thông tin về công nghệ sinh học trong lĩnh vực ứng dụng chế phẩm sinh học, dây chuyền thiết bị ứng dụng xử lý chất thải trong sản xuất, chế biến nông lâm, thủy sản; sản phẩm xử lý chất thải y tế; sản phẩm xử lý chất thải trong công nghiệp và sinh hoạt.

4. Giải pháp về hợp tác quốc tế

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các chương trình đào tạo, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cử cán bộ, kỹ sư và các nhà khoa học trình độ cao tiếp nhận chuyển giao, trao đổi công nghệ từ các nước có nền công nghệ sinh học phát triển;

- Tăng cường hợp tác trong nhập khẩu và chuyển giao công nghệ, thiết bị, đẩy mạnh tiếp cận, làm quen làm chủ một số lĩnh vực quan trọng của công nghệ sinh học môi trường hiện đại; thực hiện việc mua bản quyền, tiếp nhận, giải mã đối với những công nghệ, vật liệu tiên tiến, thân thiện môi trường; thuê chuyên gia nước ngoài khi cần thiết;

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp chủ động đầu tư, hợp tác và tiếp nhận chuyển giao công nghệ và các nguồn vốn hỗ trợ từ nước ngoài để ứng dụng và phát triển các công nghệ sản xuất công nghiệp sản phẩm sinh học có lợi thế cạnh tranh trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

5. Giải pháp về thông tin truyền thông

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các nội dung trong Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của ngành công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Tuyên truyền khuyến khích các cấp, các ngành, người dân sử dụng các sản phẩm công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường sản xuất trong nước và xây dựng thương hiệu Việt Nam;

- Tiếp tục xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện trang thông tin điện tử về công nghệ sinh học môi trường đảm bảo tương thích, phù hợp với chương trình chuyển đổi số quốc gia; thông tin tuyên truyền trên trang thông tin điện tử về công nghiệp sinh học môi trường; cung cấp các thông tin về công nghệ, thiết bị, chuyển giao công nghệ, sản phẩm sinh học sử dụng trong xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án

a) Nguồn kinh phí thực hiện Đề án bao gồm: Ngân sách nhà nước (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên); các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

b) Vốn ngân sách nhà nước thực hiện Đề án được chi cho công tác nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng và chuyển giao, làm chủ công nghệ sản xuất và dây chuyền thiết bị sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; thông tin, truyền thông; hợp tác quốc tế; hỗ trợ đầu tư nâng cấp các phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm hiện có về công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp sinh học của các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai các nhiệm vụ, giải pháp khác thực hiện Đề án theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

2. Xây dựng kế hoạch, dự toán và quản lý kinh phí

a) Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước

- Việc lập dự toán, kế hoạch ngân sách hằng năm được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và được bố trí vào dự toán, kế hoạch ngân sách trung hạn, hằng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Kinh phí thực hiện Đề án được quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý vốn đầu tư phát triển, vốn đào tạo và vốn sự nghiệp khoa học công nghệ; quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

b) Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, việc lập dự toán được thực hiện theo các quy định pháp luật đối với từng nguồn vốn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Cơ quan đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình xây dựng và triển khai thực hiện Đề án; tổ chức triển khai các nhiệm vụ và các biện pháp thực hiện Đề án;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành có liên quan rà soát, xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách, biện pháp hỗ trợ thực hiện Đề án;

- Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thành lập Ban Điều hành Đề án do lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường làm Trưởng ban để giúp Bộ trưởng triển khai, thực hiện Đề án. Thành phần, quy chế hoạt động của Ban Điều hành Đề án và Văn phòng giúp việc do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá; hàng năm định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Đề án.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học, tăng cường tiềm lực về cơ sở vật chất, thiết bị cho các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào

tạo do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý;

- Tổng hợp, trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ theo quy định;

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đối với việc hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu công nghệ sinh học hiện đại trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghiệp sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, hỗ trợ chuyên giao, nhập khẩu công nghệ và bí quyết công nghệ, phát triển thị trường công nghệ tiên tiến từ nước ngoài và các quy định có liên quan đến sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực ứng dụng công nghiệp sinh học bảo vệ môi trường.

3. Bộ Tài chính

- Bố trí kinh phí thực hiện các nội dung chi thường xuyên thuộc phạm vi chi từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng, ban hành các chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường để thực hiện Đề án.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Cân đối, bố trí kinh phí chi đầu tư phát triển để thực hiện Đề án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan pháp luật về đầu tư công.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan rà soát, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai đào tạo nguồn nhân lực có bằng cấp, chuyên môn ở trong nước và nước ngoài.

6. Các bộ, ngành khác

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Y tế và các bộ, ngành có liên quan phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ các đơn vị trực thuộc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Đề án.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; lồng ghép phát triển công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chương trình phát triển khoa học công nghệ ở địa phương. Thúc đẩy các chính

sách xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường trong đó có lĩnh vực công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

8. Các tập đoàn, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

Xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm, chuyển giao công nghệ theo hướng tuần hoàn, hiệu quả, bền vững và đề xuất với Bộ Tài nguyên và Môi trường các nhiệm vụ để được xem xét phê duyệt thực hiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, CN, NC, TH, TKBT;
- Lưu: VT, NN (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà